

Trục dẫn hướng
ELFC-KF-45-1000
Số bộ phận: 8062809

FESTO



Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Hành trình làm việc	1000 mm
Kích thước	45
Vị trí lắp đặt	bất kỳ
Dẫn hướng	Thanh dẫn hướng cầu tuần hoàn
Cấu trúc xây dựng	Dẫn hướng
Phát hiện vị trí	cho các công tắc gần cho cảm biến cảm ứng
Tăng tốc tối đa	15 m/s ²
Tốc độ tối đa	1.5 m/s
Thời gian bật	100%
Lớp chống ăn mòn KBK	0 - không ứng suất ăn mòn
Tuân thủ LABS	VDMA24364 Vùng III
Tính phù hợp để sản xuất pin Li-ion	Sản phẩm tương ứng với định nghĩa sản phẩm nội bộ của Festo để sử dụng trong sản xuất pin: Các kim loại có hơn 1% trọng lượng là đồng, kẽm hoặc niken không được sử dụng. Các trường hợp ngoại lệ là niken trong thép, bề mặt mạ niken hóa học, bo mạch, cáp, bộ kết nối và cuộn dây.
Loại phòng sạch	Loại 7 theo ISO 14644-1
Mức độ bảo vệ	IP40
Nhiệt độ môi trường xung quanh	0 °C...50 °C
Khoảng khắc của diện tích ly bậc 2	140000 mm ⁴
Khoảng khắc của khu vực Iz độ 2	170000 mm ⁴
Lực tối đa Fy	880 N
Lực tối đa Fz	880 N
Thời điểm tối đa Mx	5.5 N m
Max. Moment My	4.7 N m
Mô-men tối đa Mz	4.7 N m
Lực tối đa Fy trực tổng thể	300 N
Lực tối đa Fz trực tổng thể	600 N
Mô men tối đa Mx trực tổng thể	5.5 N m
Mô men tối đa My trực tổng thể	4.7 N m
Mô men tối đa Mz trực tổng thể	4.7 N m
Mômen quán tính xoắn Nó	8500 mm ⁴

Đặc tính	Giá trị
Lực dịch chuyển	4.5 N
Tuổi thọ tham khảo	5000 km
Khoảng thời gian bảo trì	bôi trơn suốt đời
Fy với tuổi thọ lý thuyết là 100 km (xem xét hướng dẫn thuần túy)	3240 N
Fz với tuổi thọ lý thuyết là 100 km (xem xét hướng dẫn thuần túy)	3240 N
Mx với tuổi thọ lý thuyết là 100 km (xem xét hướng dẫn thuần túy)	20 N m
Của tôi với tuổi thọ lý thuyết là 100 km (xem xét hướng dẫn thuần túy)	17 N m
Mz với tuổi thọ lý thuyết là 100 km (xem xét hướng dẫn thuần túy)	17 N m
Khối lượng di chuyển	144 g
Trọng lượng cơ bản ở hành trình 0 mm	384 g
Trọng lượng bổ sung cho mỗi hành trình 10 mm	23 g
Độ võng động (Tải trọng di chuyển)	0,05% chiều dài của trục, tối đa 0,5 mm
Độ võng tĩnh (tải ở trạng thái dừng)	0,1% chiều dài của trục
Vật liệu nắp cuối	Nhôm đúc áp lực, sơn
Hồ sơ vật liệu	Hợp kim nhôm rèn, anốt hóa
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Chất liệu của băng che	thép không gỉ hợp kim cao
Vật liệu thanh dẫn hướng ổ trượt	Thép
Vật liệu ray dẫn hướng	Thép
Vật liệu các ổ trượt	Nhôm đúc áp lực